| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỤC NGẠN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2023
V/v: Tanh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Nhường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Thuận.

Bà Phạm Thị Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*** Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 583/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nông Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Lâm Văn P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Rg, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-12-2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nông Thị T, bản tự khai của bị đơn anh Lâm văn P thì nội dung vụ án như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P kết hôn với nhau vào ngày 10 tháng 5 năm 2017, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo P tục địa phương, chị T anh P có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị T anh P về chung sống cùng nhau ngay và ở cùng gia đình anh P. Chị T anh P chung sống được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyền cãi nhau làm cho cuộc sống không có hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2017 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ và chuyển khẩu về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn B 1, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chị T và anh P cũng ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay không còn ai quan tâm tới ai, không hề liên lạc với nhau. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P, anh P cũng xác định không còn tình cảm với chị T, chị T xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P chưa có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T, cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn P.

- Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P chưa có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nông Thị T có đơn xin ly hôn với anh Lâm Văn P. Bị đơn anh Lâm Văn P đang sinh sống và ở tại thôn R, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 10 tháng 05 năm 2017. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo P tục địa phương. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống chỉ được một thời gian ngắn là hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích. Chị T anh P đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay không còn ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T anh P là có thật. Sau khi thụ lý vụ án chị T và anh P đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Bị đơn anh Lâm Văn P cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống.

[5] Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Lâm Văn P. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn P phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Lâm Văn P chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn P.

2. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0015129** ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nông Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Số 19/2017);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Nguyễn Đức Nhường**